THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13/2018/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 7 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng) bao gồm:

1. Ngân hàng: Ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng hợp tác xã, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác.

3. Tổ chức tài chính vi mô.

4. Quỹ tín dụng nhân dân.

5. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

6. Khách hàng vay vốn, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Điều kiện xem xét khoản cấp tín dụng vượt giới hạn

1. Khách hàng vay vốn, dự án, phương án được đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khách hàng đáp ứng đủ điều kiện cấp tín dụng theo quy định của pháp luật, không có nợ xấu trong 03 năm gần nhất liền trước năm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, có hệ số nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của khách hàng tại thời điểm gần nhất với thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn;

b) Khách hàng có nhu cầu vốn để thực hiện các dự án, phương án sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội thuộc một trong các trường hợp sau:

- Triển khai các dự án, phương án có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, cấp thiết nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân thuộc các ngành, lĩnh vực: điện, than, dầu khí, xăng dầu, giao thông, vận tải công cộng và các lĩnh vực khác theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ;

- Triển khai các chương trình, dự án đầu tư được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;

- Đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

c) Dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đã được tổ chức tín dụng thẩm định là đảm bảo khả thi, khách hàng có khả năng trả nợ và quyết định cấp tín dụng; đáp ứng các quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Tổ chức tín dụng đáp ứng các điều kiện sau:

a) Về cấp tín dụng hợp vốn:

- Đã đề xuất và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật về việc cấp tín dụng hợp vốn đối với dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn của một khách hàng; hoặc

- Đã phát hành thư mời hợp vốn tới ít nhất 5 tổ chức tín dụng khác, đăng trên trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức tín dụng, các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian ít nhất 30 ngày làm việc nhưng không có tổ chức tín dụng khác tham gia hợp vốn.

b) Tại thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, tổ chức tín dụng đáp ứng các yêu cầu về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan;

c) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ được nêu tại hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn và các văn bản phê duyệt chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn trước đó;

d) Đảm bảo giới hạn cấp tín dụng quy định tại khoản 8 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 khi tính cả khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đang đề nghị.

Điều 4. Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn

1. Hồ sơ tổ chức tín dụng báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có dấu xác nhận của tổ chức tín dụng, bao gồm:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục đính kèm Quyết định này;

b) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng đã đáp ứng điều kiện tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quyết định này;

c) Văn bản thẩm định của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, dự án, phương án vay vốn của khách hàng;

d) Văn bản phê duyệt cấp tín dụng đối với khách hàng của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng đề nghị;

đ) Văn bản đề nghị được cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng của khách hàng;

e) Hồ sơ pháp lý liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 03 năm liền trước năm đề nghị, các tài liệu liên quan khác;

g) Hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng, bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, chấp thuận dự án, phương án của cấp có thẩm quyền.

- Các tài liệu có liên quan khác.

h) Báo cáo về tình hình quan hệ tín dụng và nhu cầu cấp tín dụng vượt giới hạn của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo Mẫu biểu số 01 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

2. Hồ sơ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ bao gồm Tờ trình của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kèm theo các tài liệu sau:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan;

b) Văn bản tham gia ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan;

c) Văn bản giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng;

d) Các tài liệu có liên quan khác.

Điều 5. Xác định mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn

Mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan được xác định theo công thức:

$$\boxed{\textbf{MCTDTĐ = DN + CC + ĐN}}$$

Trong đó:

- MCTDTĐ là mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn;

- DN là tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại thời điểm báo cáo;

- CC là số tiền còn được cấp theo hợp đồng tín dụng đã ký;

- ĐN là số tiền đề nghị cấp tín dụng mới được chấp thuận.

Trong công thức trên, DN, CC và ĐN được xác định như sau:

1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại thời điểm báo cáo (DN) được tính vào mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn là tổng mức dư nợ cấp tín dụng của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan tại tổ chức tín dụng tại thời điểm báo cáo, bao gồm:

a) Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đã cấp trong giới hạn cho phép thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng;

b) Tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn còn hiệu lực tính đến thời điểm báo cáo.

2. Số tiền còn được cấp theo hợp đồng tín dụng đã ký (CC) được tính vào mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn là số tiền còn lại mà tổ chức tín dụng còn được tiếp tục cấp tín dụng, bao gồm:

a) Số tiền còn cấp tín dụng của các hợp đồng tín dụng đã ký trong giới hạn cho phép thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng;

b) Số tiền còn cấp tín dụng của những khoản tín dụng đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn còn hiệu lực tính đến thời điểm báo cáo.

3. Đề nghị cấp tín dụng mới được chấp thuận (ĐN):

Số tiền đề nghị mới được tính vào mức cấp tín dụng tối đa là tổng số tiền của các khoản tín dụng mới được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn.

Điều 6. Trình tự thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn

1. Tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Quyết định này trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của tổ chức tín dụng:

- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng trong đó ghi rõ các điều kiện mà tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được.

- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng đã hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương có liên quan về các khía cạnh kinh tế - kỹ thuật - pháp lý của dự án, phương án và khách hàng đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ, ngành, địa phương có ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu tổ chức tín dụng, khách hàng giải trình những vấn đề mà các bộ, ngành, địa phương có ý kiến trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các bộ, ngành, địa phương.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ cấp tín dụng vượt giới hạn do tổ chức tín dụng cung cấp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ cho tổ chức tín dụng biết, thực hiện.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ do tổ chức tín dụng cung cấp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn, đảm bảo tuân thủ các điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định tại Quyết định này;

b) Thanh tra, giám sát việc thực hiện cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng;

c) Định kỳ hàng năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt còn hiệu lực; đồng thời gửi các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

2. Các bộ, ngành, địa phương

a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quyết định này;

b) Chịu trách nhiệm đối với các nội dung đã tham gia ý kiến đối với dự án, phương án, khách hàng đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; chịu trách nhiệm khác trong phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị mình đối với dự án, phương án, khách hàng được cấp tín dụng vượt giới hạn theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức tín dụng

a) Thực hiện đúng các nội dung tại văn bản thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chỉ được sử dụng mức cấp tín dụng tối đa được phê duyệt cho từng dự án, phương án cụ thể đã đề nghị và được chấp thuận;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tổng hợp, tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng;

c) Chịu trách nhiệm về việc thẩm định, cấp tín dụng, kiểm tra kiểm soát sau cho vay, thu hồi nợ vay, xử lý rủi ro (nếu có) theo quy định đối với khoản cấp tín dụng vượt giới hạn;

d) Giám sát chặt chẽ, đảm bảo việc khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích và định kỳ ngày 12 hàng tháng báo cáo tình hình thực hiện khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Mẫu biểu số 02, 03 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

2. Các trường hợp cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo các văn bản phê duyệt trước đó.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vương Đình Huệ

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 13/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... V/v đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan	*....., ngày.... tháng.... năm....*

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số...../2018/QĐ-TTg ngày..... tháng.... năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) báo cáo và kính đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với trường hợp sau đây:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN

1. Tên doanh nghiệp:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

3. Số điện thoại:..... Fax:..... .....

4. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:.....

5. Vốn điều lệ, thông tin về quan hệ sở hữu, điều hành, các cổ đông chính.

6. Phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, nợ phải trả/vốn chủ sở hữu, xếp hạng tín nhiệm, phân loại nợ.

II. THÔNG TIN VỀ KHOẢN TÍN DỤNG ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN

1. Báo cáo rõ giá trị, thời gian giải ngân, thời gian vay vốn, loại tiền và mục đích của khoản cấp tín dụng đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn; văn bản phê duyệt cấp tín dụng của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng.

2. Thông tin cơ bản về dự án, phương án sản xuất kinh doanh đề nghị được cấp tín dụng vượt giới hạn[1]: Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư, hồ sơ pháp lý (giấy chứng nhận đầu tư, quyết định phê duyệt, sự phù hợp với quy hoạch...), tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, các tổ chức tín dụng tham gia tài trợ và các thông tin liên quan khác.

- Trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị cấp hạn mức vốn lưu động: Tóm tắt kế hoạch sản xuất kinh doanh kỳ kế hoạch (Doanh thu, chi phí, lợi nhuận), xác định vòng quay vốn, xác định nhu cầu vốn lưu động bình quân, khả năng đáp ứng bằng vốn tự có, tổng nhu cầu vốn đề nghị cấp tín dụng tại hệ thống các tổ chức tín dụng (trong đó liệt kê cụ thể nhu cầu vốn tại từng tổ chức tín dụng), vốn khác.

- Trường hợp cấp tín dụng trung, dài hạn để thực hiện nhiều dự án nhỏ phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm của doanh nghiệp: Nêu rõ tổng số dự án doanh nghiệp thực hiện theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt; tổng nhu cầu vốn tín dụng trung, dài hạn của doanh nghiệp tại hệ thống các tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án, trong đó liệt kê cụ thể nhu cầu vốn tại từng tổ chức tín dụng, nhu cầu vốn của từng dự án.

3. Sự phù hợp với quy hoạch, tầm quan trọng, ý nghĩa của dự án, phương án sản xuất kinh doanh đối với sự phát triển kinh tế xã hội; ý nghĩa của khoản cấp tín dụng đối với kế hoạch, chiến lược kinh doanh, phát triển khách hàng của tổ chức tín dụng.

4. Tình hình thu xếp hợp vốn đối với khoản cấp tín dụng.

5. Ý kiến thẩm định của tổ chức tín dụng về năng lực hoạt động của khách hàng, tính khả thi, hiệu quả của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, hình thức bảo đảm tiền vay, các rủi ro có thể phát sinh, phương án phòng ngừa rủi ro, xử lý rủi ro và đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.

III. TÌNH HÌNH QUAN HỆ TÍN DỤNG

- Nêu rõ tình hình quan hệ tín dụng hiện tại về cam kết, giải ngân, thu nợ, lịch sử vay trả nợ; tình hình quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác.

- Điền và đính kèm mẫu biểu về tình hình quan hệ tín dụng và nhu cầu cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan theo Mẫu biểu số 01 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

---

[1] Bao gồm cả các chương trình, dự án đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện từ nguồn vốn phát hành trái phiếu.

IV. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG

- Tình hình vốn tự có tại thời điểm gần nhất.

- Tình hình thực hiện quy định hiện hành về các tỷ lệ bảo đảm an toàn tại thời điểm gần nhất; đánh giá tác động của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đến các tỷ lệ bảo đảm an toàn này.

- Tình hình thực hiện các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khách hàng vay vốn đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận (nếu có).

- Tình hình tuân thủ quy định hiện hành về ngoại hối trong trường hợp khoản cấp tín dụng liên quan đến nhu cầu vốn bằng ngoại tệ.

- Tình hình thực hiện quy định tổng các khoản vượt giới hạn không được vượt quá bốn lần vốn tự có.

V. KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1. Kiến nghị rõ loại hình cấp tín dụng vượt giới hạn mà tổ chức tín dụng đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận và mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa tương ứng thuộc một trong ba trường hợp sau:

a) Đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô:

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 15% vốn tự có đối với một khách hàng với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 15% vốn tự có là...(1)... để...(2)....

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 25% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 25% vốn tự có là...(1)... để...(2)....

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 15% vốn tự có đối với khách hàng và vượt 25% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 15% vốn tự có là...(1)... và mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 25% vốn tự có là...(1)... để...(2)....

b) Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng:

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 25% vốn tự có đối với một khách hàng với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 25% vốn tự có là...(1)... để...(2)....

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 50% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 50% vốn tự có là...(1)... để...(2)....

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 25% vốn tự có đối với khách hàng và vượt 50% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 25% vốn tự có là...(1)... và mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 50% vốn tự có là...(1)... để...(2)....

2. Cam kết tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về việc cấp tín dụng vượt giới hạn.

(Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) xin cam kết tự xem xét, quyết định và tự chịu trách nhiệm về việc cấp tín dụng và thu hồi nợ vay; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong văn bản đề nghị, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm túc các quy định tại Quyết định số...../2018/QĐ-TTg ngày..... tháng.... năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi gửi:
- Như trên;
- ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:
(1) Ghi rõ số tiền theo nguyên tệ, tỷ lệ % tính trên vốn tự có;
(2) Mục đích của khoản cấp tín dụng.

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Mẫu biểu số 01

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH QUAN HỆ TÍN DỤNG VÀ NHU CẦU CẤP TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Ngày... tháng... năm...)

Vốn tự có tại ngày.../.../.....:....

Đơn vị: Tỷ đồng, USD, EURO, JPY...

Tỷ giá tại thời điểm....: USD/VND...

Khách hàng	**Loại tiền**	**Dư nợ cấp tín dụng**				**Số tiền còn phải cấp tín dụng theo hợp đồng đã ký**	**Nhóm nợ**	**Nhu cầu cấp tín dụng mới**	**Mức cấp tín dụng tối đa đề nghị**	**Ghi chú (Ghi rõ: Mục đích sử dụng vốn. Đối với các khoản cấp tín dụng đã được phê duyệt, đề nghị ghi rõ số Công văn, ngày, tháng phê duyệt...)**
		Cho vay	**Bảo lãnh**	**Cấp tín dụng khác**	**Tổng số**					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(6)+(7)+(9)	
1. Khách hàng A	**Quy VND**									
Chi tiết theo loại tiền	**VND**									
	USD									
	...									
(Trong đó chi tiết theo HĐ cấp tín dụng)										
1.1. Ngắn hạn										
+ Hợp đồng cấp tín dụng... ký ngày...	**...**									
...	**...**									
1.2. Trung, dài hạn										
+ Hợp đồng cấp tín dụng... ký ngày...	**...**									
...	**...**									
2. Người có liên quan của khách hàng A	**Quy VND**									
Chi tiết theo loại tiền	**VND**									
	USD									
	...									

(Trong đó chi tiết theo người có liên quan. Xác định người có liên quan theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: Công ty mẹ, các công ty con của cùng một công ty mẹ...)										
2.1. Công ty A1										
2.1.1. Ngắn hạn										
+ Hợp đồng cấp tín dụng... ký ngày...	**...**									
...	**...**									
2.1.2 Trung, dài hạn										
+ Hợp đồng cấp tín dụng... ký ngày...	**...**									
...										
2.2. Công ty A2										
....	...									
Tổng cộng (1.) và (2.)	**Quy VND**									
Tổng số theo loại tiền	**VND**									
	USD									
	...									

....., ngày.... tháng.... năm...

LẬP BIỂU **KIỂM SOÁT** **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

(Ghi rõ số điện thoại liên hệ)

Mẫu biểu số 02

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN ĐỐI VỚI KHOẢN VAY VƯỢT GIỚI HẠN

(Tháng... năm...)

Đơn vị tính: Tỷ đồng, nguyên tệ

STT	Khách hàng	Mã số thuế/ CMND	Loại tiền	Số tiền được phê duyệt	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng				Số tiền còn cấp tín dụng theo HĐTD đã ký	Tổng mức dư nợ CTD/ VTC (%)	Nhóm nợ	Dự phòng đã trích	Bảo đảm tiền vay		Công văn phê duyệt của NHNN	Ghi chú (mục đích sử dụng vốn, thời hạn,...)
					Cho vay	Bảo lãnh, mở L/C	Cấp tín dụng khác	Tổng số					Hình thức bảo đảm	Giá trị sổ sách		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	**Khách hàng A (=1.1+1.2+...)**															
1.1	**Khoản vay 1** (Chi tiết theo loại tiền)		**Quy VND**													
			VND													
			USD													
			...													
1.2	**Khoản vay 2** (Chi tiết theo loại tiền)		**Quy VND**													
			VND													
			USD													
			...													
...	...															
2	**Khách hàng B (= 2.1+ 2.2+...)**															

2.1	**Khoản vay 1** (Chi tiết theo loại tiền)		**Quy VND**													
			VND													
			USD													
			...													
2.2	**Khoản vay 2** (Chi tiết theo loại tiền)		**Quy VND**													
			VND													
			USD													
			...													
...	...															

Chú thích:

1. Tỷ giá..... tại thời điểm..../..../.....
2. Vốn tự có của TCTD tại thời điểm.../..../....

....., ngày.... tháng.... năm...

LẬP BIỂU	**KIỂM SOÁT**	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**
		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)
(Ghi rõ số điện thoại liên hệ)		

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng có khoản cấp tín dụng vượt giới hạn được phê duyệt còn hiệu lực.

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 12 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

4. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Tổ chức tín dụng báo cáo tình hình cấp tín dụng vượt giới hạn đối với cả các khoản cấp tín dụng theo Quyết định này và các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực.

- Đối với mỗi khoản vay và khách hàng được chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn: Cột (5) ghi rõ hạn mức tín dụng vượt giới hạn được chấp thuận đối với từng khoản cho vay và hạn mức cấp tín dụng tối đa đối với khách hàng đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, cột (16) ghi rõ số công văn và ngày, tháng, năm của công văn chấp thuận việc cấp tín dụng vượt giới hạn.

- Cột (9) = Cột (6) + cột (7) + cột (8).

- Cột (12): Ghi nhóm nợ của từng khách hàng, nhận các giá trị (1, 2, 3, 4, 5).

- Cột (14): Ghi rõ thông tin hình thức bảo đảm tiền vay; bao gồm hình thức bảo đảm là cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ, tín chấp.

- Cột (17) Ghi chú: Ghi rõ mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn hiệu lực của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn (nếu có),....

- Nơi nhận: Tổ chức tín dụng lập thành 2 bản báo cáo, 1 bản gửi về Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, 1 bản gửi về Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Địa chỉ: 25 Lý Thường Kiệt - Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội.

Mẫu biểu số 03

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Tháng... năm...)

Đơn vị tính: Tỷ đồng, nguyên tệ

STT	Khách hàng	Mã số thuế/ CMND (Hộ Chiếu)	Loại tiền	Mức cấp tín dụng tối đa đã được phê duyệt	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng				Số tiền còn cấp tín dụng theo HĐTD đã ký	Tổng mức dự nợ CTD/ VTC (%)	Nhóm nợ	Dự phòng đã trích	Bảo đảm tiền vay		Công văn phê duyệt của NHNN	Ghi chú (Mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn,...)
					Cho vay	Bảo lãnh, mở L/C	Cấp tín dụng khác	Tổng số					Hình thức bảo đảm	Giá trị sổ sách		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	**Khách hàng A và người có liên quan đến A (=1.1 + 1.2)** (Chi tiết theo loại tiền)		**Quy VND**													
			VND													
			USD													
			...													
1.1	Khách hàng A (Chi tiết theo loại tiền)		**Quy VND**													
			VND													
			USD													
			...													
1.2	Người có liên quan đến A (= Công ty A1 + A2+...) (Chi tiết theo loại tiền)		**Quy VND**													
			VND													
			USD													
			...													

	- Công ty A1		VND													
			USD													
			...													
	- Công ty A2															
2	**Khách hàng B và người có liên quan đến B (=2.1 + 2.2)**															
	....															

Chú thích:

1. Tỷ giá..... tại thời điểm..../..../.....
2. Vốn tự có của TCTD tại thời điểm.../..../....

....., ngày.... tháng.... năm...

LẬP BIỂU	**KIỂM SOÁT**	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)*

(Ghi rõ số điện thoại liên hệ)

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng có khoản cấp tín dụng vượt giới hạn được phê duyệt còn hiệu lực.

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 12 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

4. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Tổ chức tín dụng báo cáo tình hình cấp tín dụng vượt giới hạn đối với cả các khoản cấp tín dụng theo Quyết định này và các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực.

- Đối với mỗi khách hàng và/hoặc một khách hàng và người có liên quan được chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn: Cột (05) ghi rõ hạn mức tín dụng vượt giới hạn được chấp thuận đối với khách hàng và/hoặc khách hàng và người có liên quan, cột (16) ghi rõ số công văn và ngày, tháng, năm của công văn chấp thuận việc cấp tín dụng vượt giới hạn.

- Cột (9) = Cột (6) + cột (7) + cột (8).

- Cột (12): Ghi nhóm nợ của từng khách hàng, nhận các giá trị (1, 2, 3, 4, 5).

- Cột (14) Về tài sản bảo đảm: Ghi rõ thông tin về việc bảo đảm tiền vay; bao gồm hình thức bảo đảm là cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ, tín chấp.

- Cột (17): Các tổ chức tín dụng ghi rõ mục đích sử dụng vốn vay; thời hạn hiệu lực của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn (nếu có),...

- Nơi nhận: Tổ chức tín dụng lập thành 2 bản báo cáo, 1 bản gửi về Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, 1 bản gửi về Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Địa chỉ: 25 Lý Thường Kiệt - Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội.